

Số: 3428/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Bình Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ngày 23/12/2014;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 3257/TT-KHĐT ngày 25/12/2014 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

1. Phát triển kinh tế-xã hội của huyện Bình Liêu phải dựa trên tiềm năng, lợi thế so sánh của huyện gắn với thời cơ, cơ hội phát triển của tỉnh Quảng Ninh các địa bàn lân cận thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và chủ động mở rộng giao thương hiệu quả với thị trường Trung Quốc.

2. Phát triển kinh tế-xã hội lấy phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ làm trọng tâm, đồng thời phát triển, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp; phát triển đi đôi với bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo cảnh quan môi trường, sinh thái, bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc.

3. Phát triển phải chú trọng phát huy nguồn lực bên trong, đồng thời chủ động tranh thủ, tạo mọi điều kiện thu hút các nguồn lực bên ngoài.

4. Phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

5. Phát triển kinh tế-xã hội, kinh tế cửa khẩu phải gắn kết với củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững với cơ cấu kinh tế là dịch vụ - nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, trong đó ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất; tạo bước phát triển đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng và kinh tế cửa khẩu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; hoàn thành mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2020 đưa Bình Liêu trở thành huyện có trình độ phát triển đạt mức trung bình của tỉnh Quảng Ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá trị gia tăng) giai đoạn 2014-2020 đạt 13,9%/năm, trong đó: giai đoạn 2014-2015 đạt 12,8%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 14,3%; giai đoạn 2021-2030 đạt 15,4%.

- Cơ cấu kinh tế (giá trị gia tăng): năm 2015, công nghiệp - xây dựng chiếm 18%; dịch vụ chiếm 47,4%; nông nghiệp chiếm 34,6%. Năm 2020, công nghiệp - xây dựng chiếm 19,3%; dịch vụ chiếm 53,2%; nông nghiệp chiếm 27,5%. Đến năm 2030, công nghiệp - xây dựng chiếm 20,2%; dịch vụ chiếm 55,5%; nông nghiệp chiếm 24,3%.

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người (giá hiện hành) năm 2015 đạt khoảng 1.087 USD; năm 2020 đạt khoảng 1.918 USD; năm 2030 đạt khoảng 5.279 USD.

- Thu ngân sách trên địa bàn: Phấn đấu mức thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2014 - 2020 đạt tốc độ tăng trưởng 10-12%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 10%/năm .

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng bình quân trên 10%/năm giai đoạn 2014-2020.

b) Về văn hoá xã hội, giáo dục đào tạo

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2014-2015 khoảng 1,37% và khoảng 1,23% giai đoạn 2016-2020; Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 10% vào năm 2015 và giảm trung bình khoảng 4%/năm trong giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2030; Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 đạt 28,0%; năm 2020 đạt 34,0% và 40,0% vào năm 2030;

- Năm 2015: tỷ lệ bác sỹ đạt 6,2 bác sỹ/vạn dân; số giường bệnh đạt mức 18,5 giường/vạn dân; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống còn 15%. Đến năm 2020: tỷ lệ bác sỹ đạt 8,5 bác sỹ /vạn dân; số giường bệnh đạt mức 22,4 giường/vạn dân; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 12%. Đến năm 2030: tỷ lệ bác sỹ đạt 10 bác sỹ/vạn dân, số giường bệnh đạt khoảng 28 giường/vạn dân và giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 4%;

- Năm 2020: 70% các trường mầm non, tiểu học, THCS được xây dựng kiên cố, đạt chuẩn quốc gia; khoảng 27% học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề theo yêu cầu của xã hội; Tăng tỷ lệ số người thường xuyên luyện tập thể dục thể thao lên trên 30% và 100% số trường phổ thông đạt giáo dục thể chất. Đến năm 2030: 90% các trường mầm non, tiểu học, THCS được xây dựng kiên cố, đạt chuẩn quốc gia, khoảng 35% học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề theo yêu cầu của xã hội.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2015: tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%; 100% dân số sống ở thành thị được sử dụng nước sạch; 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Đến năm 2020: tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,0% và 60,0% năm 2030; 100% dân số sống ở thành thị được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Phần đầu đến năm 2015 thu gom và xử lý 100% chất thải y tế. Đến năm 2020: phần đầu thu gom xử lý chất thải rắn đạt trên 90%; thu gom xử lý nước thải đô thị đạt 90%, nông thôn đạt 85%.

d) Về xây dựng nông thôn mới

Phần đầu đến 2015: 3/7 xã sẽ đạt được tất cả các tiêu chí nông thôn mới; đến năm 2020: 100% số xã cơ bản đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

e) Về đảm bảo an ninh - quốc phòng

Xây dựng củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh - quốc phòng trên tuyến biên giới, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

f) Một số mục tiêu đối với Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô – Đồng Văn

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thời kỳ 2014-2020 là 16,1%/năm, thời kỳ 2021-2030 là 16,7%/năm. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh khu vực dịch vụ, phát triển ngành nghề đa dạng. Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất năm 2020: dịch vụ chiếm 68,02%; công nghiệp-xây dựng chiếm 19,78% và nông nghiệp chiếm 12,2%; năm 2030: dịch vụ chiếm 69,06%; công nghiệp-xây dựng chiếm 23,68% và nông nghiệp chiếm 7,26%;

- Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị kim ngạch xuất-nhập khẩu qua Khu kinh tế cửa khẩu bình quân hàng năm khoảng 10%; thu ngân sách tăng 15-18%/năm. Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2-1,3 lần mức bình quân của huyện Bình Liêu.

- Phần đầu đến năm 2015: đạt 50% trẻ em được đi nhà trẻ; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập mẫu giáo cho trẻ 5 tuổi; duy trì kết quả phổ cập tiểu học trong độ tuổi và đạt chuẩn phổ cập THCS đúng tuổi; 100% trường phổ thông các cấp đạt chuẩn quốc gia; Duy trì chất lượng 100% xã Khu kinh tế cửa khẩu đều đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%; 100% hộ được xem truyền hình Việt Nam và nghe đài Tiếng nói Việt Nam; đến năm 2015 có trên 90% và năm 2020 có 100% hộ gia đình được dùng nước hợp vệ sinh;

- Đến năm 2020, về cơ bản xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu ở khu vực cửa khẩu và hạ tầng kinh tế-xã hội chung của toàn bộ Khu kinh tế cửa khẩu phục vụ phát triển sản xuất và đời sống nhân dân trong Khu kinh tế cửa khẩu. Mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đảm bảo tất cả các điểm dân cư trong Khu kinh tế, nhất là các địa bàn vùng giáp biên đều có các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi, cung cấp nước sạch, nhà sinh hoạt cộng đồng...).

- Bảo vệ môi trường bền vững, tăng độ che phủ của rừng lên 55% tổng diện tích tự nhiên. Đến năm 2015 đảm bảo trên 80% rác và nước thải ở khu vực cửa khẩu được thu gom và xử lý tập trung, các xã đều có điểm thu gom rác tập trung.

III. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Phát triển nông nghiệp

- Khai thác hợp lý các lợi thế về vị trí địa lý, các nguồn lực để tiếp tục phát triển ngành nông lâm ngư nghiệp với tốc độ cao và ổn định. Chuyển mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn miền núi theo hướng kết hợp nông nghiệp sinh thái, gắn với công nghiệp chế biến, công nghệ sau thu hoạch, làng nghề và gắn với thị trường (trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa khâu sản xuất-chế biến-thị trường). Phân đầu tốc độ tăng trưởng (GTGT) ngành nông nghiệp đạt 5,3%/năm giai đoạn 2014-2020, trong đó giai đoạn 2014-2015 đạt 4,7%/năm, giai đoạn 2016-2020 đạt 5,6%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 4,3%/năm.

- Trồng trọt: Thực hiện chuyển đổi giống cây trồng, đưa các loại giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh vào sản xuất; thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ theo hướng chuyên canh, thâm canh các loại cây trồng; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất để tăng sản lượng lương thực. Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2020 đạt 11 nghìn tấn và năm 2030 là 12 nghìn tấn. Tăng diện tích trồng các loại cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, trồng cây xen canh (ngô, khoai tây, rau...), phát triển một số cây như hồi, sò, hình thành vùng trồng dong riêng tập trung để cung ứng nguyên liệu cho sản xuất miền dong, vùng trồng rau an toàn, phân đầu đến năm 2020 diện tích trồng dong riêng đạt khoảng 400ha; hình thành và phát triển vùng trồng cây dược liệu (ba kích, cây hồi, cây sò,...) đến năm 2015 khoảng 200ha. Đối với Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn cần thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa vào ứng dụng các loại giống cây trồng mới (lúa, ngô, lạc, đậu tương, khoai lang, các loại rau sạch...) cho năng suất cao phù hợp với môi trường sinh thái, đồng thời có khả năng đem lại giá trị gia tăng cao và có tiềm năng xuất khẩu.

- Chăn nuôi: phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với trang trại, gia trại, chuyển từ chăn nuôi theo phương thức tận dụng phụ phẩm của ngành trồng trọt sang chăn nuôi công nghiệp với các vùng nguyên liệu được quy hoạch riêng cho chăn nuôi. Ngành chăn nuôi phải được gắn với ngành công nghiệp chế biến để đạt hiệu quả cao nhất. Thu hút các doanh nghiệp tham gia xây dựng vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung. Phân đầu đến năm 2020 ngành chăn nuôi đạt tỷ trọng 42,0% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Lâm nghiệp: Kết hợp giữa trồng rừng bảo vệ rừng và trồng các loại cây lấy gỗ phục vụ cho sản xuất đồ gỗ gia dụng, gỗ chế biến xuất khẩu. Trồng và bảo vệ rừng gắn với việc khai thác hợp lý nhằm đảm bảo nhu cầu dân sinh, giải quyết chất đốt sinh hoạt cho nhân dân. Chú trọng quản lý bảo vệ và trồng rừng phòng hộ trên địa bàn huyện nhằm nâng cấp môi trường sinh thái. Hình thành kinh tế trang trại – vườn rừng và kinh tế cây đặc sản; Phát triển đa dạng hóa các mô hình nông – lâm kết hợp, kết hợp trồng rừng và chăn nuôi những loại có giá trị, đặc sản, thực hiện xã hội hóa nghề rừng, biến nền lâm nghiệp truyền thống thành nền lâm nghiệp xã hội, tăng khả năng đóng góp của ngành lâm nghiệp trong nền kinh tế.. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Mỗi năm trồng khoảng 180-200 ha rừng, trong đó 90-100 ha rừng cây đặc sản. Đối với Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn là: tập trung vào công tác bảo vệ rừng đầu nguồn và trồng rừng đầu nguồn; khai thác, chế biến lâm sản phù hợp, ngăn chặn tình trạng khai thác và buôn bán gỗ trái phép.

- Thủy sản: tận dụng tối đa diện tích giành cho nuôi trồng thủy sản, kết hợp với các dạng khác, tập trung thâm canh, nâng cao chất lượng giống. Đối tượng nuôi thả chính là các loài cá truyền thống, phát triển các đối tượng nuôi mới. Thực hiện chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản; khôi phục lại nghề truyền thống nuôi cá nước chảy; đầu tư phát triển một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá hồi, cá tầm, các chạch châu...; phát triển nuôi cá nước ngọt.

2. Phát triển công nghiệp, xây dựng

- Phát triển bền vững, theo hướng "phát triển xanh", trong đó chú trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến dựa vào nguồn nguyên liệu có ưu thế của huyện, các ngành sản xuất thân thiện với môi trường, công nghiệp phụ trợ cho khu kinh tế cửa khẩu. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng (GTGT) ngành công nghiệp, xây dựng đạt 14,5%/năm giai đoạn 2014-2015; đạt 16,1%/năm giai đoạn 2016-2020 và đạt 15,4%/năm giai đoạn 2021-2030.

- Áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp, chính sách khuyến khích đầu tư để phát triển sản xuất ngành tiểu thủ công nghiệp, chế biến miền đông, các cơ sở chế biến nông lâm sản và hàng tiêu dùng quy mô nhỏ, đáp ứng yêu cầu của huyện và các địa bàn lân cận. Phát triển một số ngành nghề ở địa bàn nông thôn, các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ, trực tiếp tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho dân cư.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn là công nghiệp chế biến nông lâm sản, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh và có thị trường tiêu thụ, đồng thời thu hút được nhiều lao động. Phục hồi, phát triển các ngành nghề thủ công và các làng nghề truyền thống. Phát triển tiểu thủ công nghiệp trong Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn trên cơ sở khai thác lợi thế của kinh tế cửa khẩu gắn với các hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa của Khu kinh tế cửa khẩu. Đến năm 2020, hình thành và phát triển các cụm công nghiệp Đồng Tâm (quy mô 35 ha). Cụm công nghiệp Hoàn Mô- Đồng Văn (quy mô 25,4 ha vào năm 2020 và 68,5 ha vào năm 2030) để chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng đồng thời ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ để sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

3. Phát triển dịch vụ

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng (GTGT) ngành dịch vụ đạt 17,5%/năm giai đoạn 2014-2015; đạt 17,7%/năm giai đoạn 2016-2020; đạt 17,5%/năm giai đoạn 2021-2030.

- Thương mại: Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại với quy mô và trình độ hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển của ngành thương mại huyện. Phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ của huyện gắn với nhu cầu của các huyện miền núi lân cận. Phát triển cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn trở thành trung tâm giao thương hàng hóa giữa Việt Nam-Trung Quốc, có sức hút với các địa bàn lân cận, là đầu mối vật tư, hàng hóa cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân và là đầu mối thu mua, kinh doanh các sản phẩm nông-lâm. Phát triển đồng bộ, đa dạng hóa các loại hình thương mại của kinh tế cửa khẩu; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại-dịch vụ, mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Dịch vụ vận tải: Ưu tiên phát triển các phương tiện vận tải hàng hoá đường bộ nhằm tạo thêm năng lực vận chuyển và lưu thông hàng hoá khuyến khích nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia hoạt động này. Khai thác hiệu quả tuyến đường từ cảng Mũi chùa đến cửa khẩu Hoàn Mô để phát triển dịch vụ vận tải.

- Du lịch: Quan tâm đến phát triển du lịch sinh thái núi rừng, du lịch văn hoá mang bản sắc dân tộc thiểu số, đồng thời coi trọng việc bảo vệ và tôn tạo cảnh quan, môi trường sinh thái và truyền thống văn hoá dân tộc để đảm bảo cho việc phát triển bền vững. Khai thác các điểm danh thắng sinh thái như thác Khe Vằn (Húc Động), thác Khe Tiên, thác Sông Móc, Bãi đá thần Cao Ba Lanh (Đồng Văn), Đỉnh Cao Xiêm (Đồng Tâm)...Duy trì và phát triển các lễ hội truyền thống như lễ hội Đỉnh Lục Nà (Lục Hồn), lễ hội hát tháng Ba (Húc Động), lễ hội Kiêng Gió (Đồng Văn)...đồng thời giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào các dân tộc trong huyện để thu hút khách du lịch. Nghiên cứu hình thành và khai thác các tuyến du lịch biên giới: Hạ Long – Bình Liêu – Hải Hà – Móng Cái – Hạ Long; tuyến Hạ Long – Bình Liêu – Hạ Long, tạo nên liên kết du lịch giữa các địa phương trong tiểu vùng cửa khẩu gồm Móng Cái, Hải Hà, Bình Liêu với các điểm đến trong và ngoài nước. Phát triển khu du lịch sinh thái Cao Ba Lanh. Phát triển du lịch biên giới-thương mại, du lịch mua sắm... . Phân đầu đến năm 2020 lượng khách đến du lịch tại địa bàn huyện đạt 300-400 ngàn người và 600 ngàn người vào năm 2030.

- Tài chính – Ngân hàng: Đầu tư thoả đáng cho phát triển trên địa bàn huyện kinh tế cửa khẩu. Tập trung phát triển Dịch vụ tài chính, tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động tín dụng, tạo thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế và giảm nghèo. Mở rộng hoạt động kinh doanh ngân hàng thương mại, tăng thêm các giao dịch ngân hàng, đổi mới, hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư và lưu thông tiền tệ trên địa bàn huyện. Từng bước hình thành thị trường tài chính cho khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô – Đồng Văn nhằm huy động nguồn lực đầu tư phát triển. Đa dạng hóa, mở rộng các loại hình bảo hiểm và có cơ chế khuyến khích, thu hút, hướng tới mục tiêu bảo hiểm cho mọi hoạt động kinh tế xã hội và dân sinh trên địa bàn. Hiện đại hóa công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng, kho bạc, bảo hiểm.

4. Các lĩnh vực văn hóa – xã hội

a. Giáo dục - đào tạo:

- Tiếp tục duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS của huyện. Củng cố và phát triển hệ thống cơ sở giáo dục, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, thực hiện đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xã hội hóa học tập phục vụ mục tiêu phát triển con người, nguồn nhân lực của huyện.

- Từng bước nâng cấp, kiên cố hóa các điểm trường chính, xây dựng đủ phòng học ở các điểm trường lẻ. Hình thành một mạng lưới giáo dục, đào tạo hợp lý, quan tâm đến giáo dục ở vùng nông thôn, các xã khó khăn. Coi trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, chú trọng giáo dục đạo đức, truyền thống văn hoá dân tộc, tạo điều kiện cho mọi tài năng có điều kiện phát triển. Liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong việc đào tạo lao động kỹ thuật, có tay nghề và

đào tạo để xuất khẩu lao động, đảm bảo lao động được đào tạo kỹ năng phù hợp, được làm công việc đúng với chuyên môn được đào tạo.

- Phân đấu đến năm 2020, các xã thị trấn đều có trường mầm non theo quy chuẩn. Tách trường THCS và THPT Hoàn Mô thành trường THCS Hoàn Mô và THPT Hoàn Mô. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục – chống mù chữ, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS. Phân đấu đến năm 2030 có cơ sở dạy nghề, đào tạo và giới thiệu việc làm, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực quản lý, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, ngành nghề, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa.

b. Y tế

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng y tế, nâng cao năng lực phục vụ của các cơ sở y tế trong huyện, nâng cao năng lực chuyên môn bác sĩ và dược sĩ. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế cơ sở; đồng thời thực hiện các chính sách khuyến khích bác sĩ đến công tác lâu dài tại các xã đặc biệt khó khăn; tăng cường bác sĩ có chuyên môn sâu về công tác tại các trạm y tế xã. Thực hiện công tác xã hội hóa về y tế nhằm giảm bớt sự quá tải đối với các cơ sở y tế công lập.

- Phân đấu đến năm 2015, tất cả các xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Nâng cấp và hiện đại hóa trung tâm y tế huyện Bình Liêu theo mô hình trung tâm y tế hai chức năng: khám chữa bệnh và dự phòng với tổng số giường bệnh khoảng 80-100 giường, có đủ trình độ năng lực giải quyết các bệnh thông thường của địa phương và một số lĩnh vực y tế chuyên khoa sâu cơ bản, lĩnh vực điều dưỡng và phục hồi chức năng. Tiếp tục thực hiện chính sách về bảo hiểm y tế, đặc biệt là bảo hiểm y tế đối với người nghèo và đồng bào dân tộc ở vùng cao biên giới, đảm bảo chế độ khám chữa bệnh và cấp thuốc theo bảo hiểm y tế.

c. Văn hóa - thông tin - thể dục thể thao

- Không ngừng nâng cao các hoạt động văn hoá, văn nghệ thông tin, truyền thanh, truyền hình. Đáp ứng tốt nhu cầu thông tin cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ đời sống nhân dân. Quản lý có hiệu quả về hoạt động văn hoá và các dịch vụ văn hoá. Có kế hoạch tôn tạo bảo vệ các di tích cách mạng, di tích lịch sử, trân trọng gìn giữ và phát triển các lễ hội truyền thống các dân tộc sinh sống trên địa bàn huyện. Chú trọng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân thông qua các cuộc vận động “xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” và “gia đình văn hoá”, “khu phố văn hoá”. Phân đấu đến năm 2020, toàn huyện có 85% hộ gia đình văn hoá, 82% thôn, làng văn hoá, 50% xã, thị trấn văn hoá. Năm 2030 đạt 90% hộ gia đình văn hoá và 85% thôn, làng văn hoá, 60% xã, thị trấn văn hoá.

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Kết hợp hài hoà giữa bản sắc văn hoá của các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện với những bản sắc văn hoá mới, tiên tiến. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch. Phát động phong trào thể dục thể thao quần chúng, chú trọng công tác giáo dục thể chất trong các trường học, cơ quan xí nghiệp, lực lượng vũ trang. Đến năm 2020: nâng cấp nhà sinh hoạt văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng ở các xã và thị trấn đạt tiêu chuẩn của Bộ văn hóa, thể thao và

du lịch; Phân đầu nâng tỷ lệ hộ nghe đài TNVN 100%, tỷ lệ hộ xem truyền hình là 100%. Đến năm 2030, duy trì các kết quả đạt được.

d. Khoa học công nghệ

- Phát triển hợp lý, đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Ưu tiên đẩy mạnh nghiên cứu triển khai ứng dụng, đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, đẩy nhanh tốc độ đầu tư đổi mới công nghệ trong tất cả các ngành, các lĩnh vực. Tiếp thu và chuyển giao ứng dụng có chọn lọc các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao.

- Chăm lo đào tạo, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đầu đàn đi đôi với chính sách sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu - phát triển có chất lượng và thương mại hoá các kết quả nghiên cứu. Nâng cao giá trị của yếu tố khoa học công nghệ trong các ngành.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

a) Hạ tầng giao thông

- Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và phục vụ kết nối giao thương với bên ngoài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trên tuyến biên giới. Hoàn thành các tuyến đường huyết mạch, đầu tư xây dựng một số tuyến đường trong khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn. Xây dựng mới bến xe khách đạt tiêu chuẩn bến loại 3 tại Thị trấn Bình Liêu. Xây dựng 1 bến xe tại khu vực cửa khẩu Hoàn Mô, 1 bến xe tại điểm thông quan Đồng Văn (các bến xe đạt tối thiểu loại 4), 2 bãi đỗ xe kết hợp tại Hoàn Mô và Đồng Văn và các công trình phụ trợ giao thông.

- Đầu tư thêm một số tuyến đường giao thông nông thôn như đường Vô Ngại – Húc Động, đường Húc Động (Bình Liêu) – Quảng An (Hải Hà); Cải tạo và nâng cấp trục đường từ thị trấn đi Húc Động; đường từ quốc lộ 18C đi vào thị trấn Bình Liêu và các trung tâm xã; xây dựng các đường tràn vượt lũ vào các thôn bản vùng sâu; xây dựng hệ thống đường nội đồng theo lộ trình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

b) Hạ tầng cấp điện

Nâng cao chất lượng mạng lưới truyền tải điện, đảm bảo cung cấp liên tục, an toàn ổn định cho khách hàng, giảm sự cố, giảm tổn thất điện năng. Phân đầu đến năm 2015, hầu hết các hộ được sử dụng điện. Đến năm 2020, 2030 duy trì các kết quả đã đạt được. Đến năm 2015, đầu tư xây dựng 36 trạm biến áp mới với tổng dung lượng là 2.751 KVA, cải tạo nâng cấp 17 trạm với tổng dung lượng là 3.050KV, nâng cấp đường điện 35KV từ Tiên Yên lên thị trấn Bình Liêu (30,8km), xây dựng mới đường dây trung áp 35KV dài 123,3km. Quan tâm đầu tư lưới điện hạ áp với khối lượng xây dựng mới đường dây 0,4kV là 158,6km, cải tạo đường dây 0,4kV dài 59,7km. Ưu tiên cấp điện sớm cho các Thôn bản chưa có điện lưới. Nghiên cứu đầu tư xây dựng 2 nhà máy điện Bản Chuồng 3,6MVA và Bình Liêu 5,0MVA.

c) Thủy lợi và cấp, thoát nước

- Thủy lợi: Phân đầu đến năm 2020, đạt 70% kiên cố hóa kênh mương, đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho trên 95% diện tích trồng trọt trên toàn huyện. Tập trung kiên cố hóa các công trình thủy lợi đầu mối, nâng cao trình các đập dâng để tăng dung tích chứa nước và cứng hóa các kênh mương dẫn. Ưu tiên

đầu tư các công trình thủy lợi: hồ chứa nước và kênh tưới Nà Mo (Vô Ngại); đập, kênh Co Nhan trên, Co Nhan dưới (Tĩnh Húc); đập Cánh Bắc (Lục Hồn); đập, kênh Ngân Chi...

- Cấp thoát nước: Tiếp tục đầu tư xây dựng, mở rộng nâng cấp nhà máy nước thị trấn Bình Liêu lên công suất 5.000m³/ngày đêm vào năm 2020 và 8.000m³/ngày đêm vào năm 2030. Triển khai dự án nước sạch khu vực cửa khẩu Hoàn Mô (giai đoạn II) với công suất 1.200m³/ngày đêm nâng lên 2.000m³/ngày đêm và năm 2020 để cung cấp nước sạch cho dân cư khu vực cửa khẩu Hoàn Mô, xã Đồng Tâm; đầu tư dự án hệ thống nước sạch Đồng Văn công suất 1.200m³/ngày đêm nâng lên 2.000m³/ngày đêm vào năm 2020 và 6.000m³/ngày đêm để cung cấp nước cho dân cư xã Đồng Văn và phục vụ khu du lịch Cao Ba Lanh. Đầu tư hồ chứa nước và hệ thống dẫn nước, đảm bảo đến năm 2015, 100% dân thành thị được sử dụng nước sạch, tiêu chuẩn sử dụng nước 120-150 lít/người/ngày.

- Tiếp tục đầu tư chương trình nước sạch sinh hoạt nông thôn (giếng khoan, bể chứa nước, công trình xử lý nước nguồn). Xây dựng trạm xử lý nước sạch phù hợp cho các khu dân cư tập trung ở trung tâm các xã Đồng Tâm, Lục Hồn, Tĩnh Húc, Vô Ngại, Húc Động. Quan tâm hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nước sạch phù hợp (dự trữ nước ăn, điểm trung chuyển cung cấp nước, giếng khoan, bể chứa) cho các điểm dân cư vùng cao, vùng giáp biên giới, đảm bảo đến năm 2020: 100% dân cư sống ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Đầu tư mạng lưới nước mưa tự chảy dọc theo các tuyến đường giao thông và dẫn thoát nước ra sông hoặc xây hồ cảnh quan kết hợp điều tiết nước mặt, cải tạo vi khí hậu. Nước thải sinh hoạt và công nghiệp được thu gom bằng hệ thống dẫn và 100% được xử lý đạt chỉ tiêu chất lượng nước thải cho phép.

d) Thông tin truyền thông

- Mở rộng, nâng cấp hiện đại hóa mạng lưới bưu chính viễn thông và thông tin liên lạc đồng bộ, kết nối mạng với tỉnh, đảm bảo thông tin nhanh chóng, chính xác, kịp thời, thông suốt trong nội bộ huyện và giữa huyện với các vùng trên cả nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, góp phần nâng cao trình độ dân trí và nâng cao chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư. Đầu tư nâng cấp 2 bưu điện ở thị trấn Bình Liêu và khu vực cửa khẩu Hoàn Mô và các điểm bưu điện-văn hóa xã.

- Phấn đấu đến năm 2020 mật độ thuê bao viễn thông di động (truy cập qua mạng vô tuyến) 80-100%; số thuê bao băng rộng đạt 100%; 100% các thôn, bản đều truy cập được internet, tỷ lệ dân số sử dụng internet đạt trên 90%, tỷ lệ sử dụng truyền hình cáp theo yêu cầu đạt trên 60%.

6. Bảo vệ môi trường

- Quy hoạch đô thị, khu dân cư lồng ghép với quy hoạch bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải đồng bộ, tiên tiến trong đó đảm bảo rác thải y tế được thu gom, xử lý đúng quy định. Xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi và các kết cấu hạ tầng khác một cách đồng bộ; thực hiện vệ sinh công cộng, đường phố xanh, sạch, đẹp. Phối hợp với các ngành thực hiện đề án bảo vệ tổng thể nguồn nước ngọt, môi trường sinh thái, cảnh quan. Xây dựng trạm xử lý nước thải ở Hoàn Mô công suất 300 m³/ngày đêm (năm 2015), sau nâng lên 2.000 m³/ngày đêm (năm 2025).

- Hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh, sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, phân hữu cơ, nước tưới... phù hợp với từng thời kỳ sinh trưởng của cây trồng và yêu cầu bảo vệ môi trường. Hạn chế dùng phân hoá học và thuốc trừ sâu. Sử dụng rộng rãi phân vi sinh, phân hữu cơ để trả lại màu mỡ cho đồng ruộng.

7. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh quốc phòng

Phát triển kinh tế kết hợp với phục vụ kịp thời quốc phòng - an ninh, góp phần củng cố và phát triển tiềm lực quốc phòng-an ninh, đặc biệt là trên các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển bưu chính viễn thông, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi... Làm tốt công tác đối ngoại, giữ vững tinh thần hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển, tăng cường quan hệ giao lưu.

IV. Tổ chức không gian kinh tế - xã hội

- Tập trung nguồn lực vào trung tâm thị trấn Bình Liêu, trung tâm cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn để phát triển. Hệ thống đô thị từ thị trấn đến thị tứ là các trung tâm kinh tế phát triển với chức năng là hạt nhân để thúc đẩy các vùng nông thôn phát triển. Trong đó xây dựng các thị trấn trở thành trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch của huyện, xây dựng thị tứ là trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch của tiểu vùng của huyện.

- Cơ cấu phát triển không gian đô thị toàn huyện phải gắn chặt với trục đường quốc lộ 18C nối từ cửa khẩu Hoàn Mô qua các trung tâm cụm xã, trung tâm thị trấn; phát triển mở rộng sang phía Tây sông Tiên Yên tạo không gian gắn kết giữa hai bờ sông Tiên Yên; thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của các thôn, bản nằm ở khu vực phía Tây sông Tiên Yên.

1. Khu trung tâm thị trấn Bình Liêu:

- Đầu tư xây dựng thị trấn Bình Liêu thành đô thị loại IV, dân số khoảng 10.500 người vào năm 2020, diện tích 210 ha, là trung tâm kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, điểm hội tụ của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện Bình Liêu.

- Không gian đô thị: đến năm 2020 mở rộng ra phía Đông thị trấn, một phần xã Tinh Húc (15 ha) và các vùng đồi thấp ven thị trấn (khoảng 40 ha) gắn kết thành khu trung tâm đô thị loại IV; khai thác tận dụng cảnh quan thiên nhiên để tạo thành đô thị sinh thái.

- Phân khu chức năng: (1) Khu dân cư: phát triển hướng Đông thị trấn (xã Tinh Húc); phát triển khu dân cư phía Bắc và khu dân cư dọc các tuyến đường quy hoạch; (2) Khu tiểu thủ công nghiệp: phát triển phía Bắc sông Tiên Yên; (3) Các công trình công cộng, hạ tầng xã hội tập trung ở khu Bình Đăng; (4) Khu hành chính ở trung tâm thị trấn; (5) Khu cây xanh đô thị chạy dọc sông Tiên Yên.

2. Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô – Đồng Văn

- Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô-Đồng Văn thành đô thị loại V, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, hình thành trung tâm kinh tế với các hoạt động xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và là trung tâm công nghiệp, chế biến ở phía Bắc huyện, tạo động lực thu hút đầu tư, khơi thông tiềm năng kinh tế cửa khẩu biên giới.

- Khu vực cửa khẩu gồm: Khu cửa khẩu (quy mô khoảng 33,3ha); Khu hành chính, quản lý của Khu kinh tế (Quy mô: 1,8 ha); Khu thương mại, công nghiệp (quy mô 93,1ha); Khu logistic (Quy mô khoảng 28ha); Khu hỗn hợp thương mại

dịch vụ, chợ đường biên. Đến năm 2020, cơ bản hoàn thành việc nâng cấp mở rộng chợ cửa khẩu Hoàn Mô thành chợ loại 1 và chợ cửa khẩu Đồng Văn thành chợ loại 2.

- Khu vực đô thị: Đây là vùng phát triển đô thị chính của khu kinh tế, hoạt động sầm uất tạo sức hút và kết cấu hạ tầng kỹ thuật tương đương đô thị loại V. Xây dựng phát triển đô thị Hoàn Mô đảm bảo tiêu chí của đô thị biên giới, trở thành hạt nhân của Khu kinh tế cửa khẩu; Xây dựng thị tứ Đồng Văn trên cơ sở điểm thông quan Đồng Văn gắn với chức năng là trung tâm hành chính xã Đồng Văn; Kết nối đô thị cửa khẩu Hoàn Mô và thị tứ Đồng Văn thành đô thị cửa khẩu cấp quốc gia. Phân khu chức năng gồm: (1) Khu các công trình dịch vụ đô thị (quy mô 20,0 ha), khu các công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp (quy mô 7,1ha); (2) Các khu ở (quy mô 107,6ha); (3) Khu du lịch hình thành trên nền tảng là khu đỉnh cao Ba Lan; (4) Cụm sản xuất kinh doanh.

V. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Được trình bày trong Phụ lục kèm theo.

VI. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch

1. Giải pháp về vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2014-2020 dự kiến khoảng 4.986 tỷ đồng. Để thu hút đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu này, cần tập trung huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ: ngân sách Nhà nước; vốn doanh nghiệp; vốn dân cư; vốn vay tín dụng và vốn đầu tư nước ngoài, trong đó dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách sẽ đáp ứng được khoảng 34,3% nhu cầu vốn đầu tư của huyện vào năm 2020, chủ yếu tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, hỗ trợ vốn trong các chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án giảm nghèo. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn này cho các công trình thủy lợi, giao thông, nhất là giao thông nông thôn, nước sạch, trồng và chăm sóc rừng, bảo vệ môi trường và các công trình xã hội quan trọng khác.

- Thực hiện sâu rộng và triệt để cải cách hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính. Phát huy các lợi thế về cơ chế chính sách ưu đãi trong Khu kinh tế cửa khẩu (ưu đãi về cơ chế tài chính, đầu tư, về đất đai, về thuế) để thu hút đầu tư và khuyến khích hoạt động kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu.

- Đa dạng hoá các hình thức tạo vốn, nhất là nguồn vốn trong nhân dân và trong các thành phần kinh tế qua các hình thức đầu tư, tập trung huy động vốn đầu tư từ bên ngoài theo hình thức liên doanh, liên kết như BOT, BT, BTO, hợp tác công - tư theo các mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư” “đầu tư công - quản lý tư” “đầu tư tư - sử dụng công”. Đẩy mạnh tuyên truyền và quảng bá thu hút các nhà đầu tư, xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư đến năm 2020, tập trung vào các lĩnh vực: Xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, Thương mại, Du lịch, kinh tế cửa khẩu, giải quyết được nhiều lao động tại chỗ, công nghiệp chế biến mà địa phương có lợi thế. Chủ động phối hợp với Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của Tỉnh nâng cao năng lực hoạt động xúc tiến đầu tư của huyện.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đẩy nhanh triển khai kế hoạch tổng thể về đào tạo nguồn nhân lực, chủ động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cả về chuyên môn và ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Tăng nhanh đội ngũ lao động kỹ thuật cung cấp cho các khu du lịch (nhất là khu trung tâm), khu kinh tế cửa khẩu, các cơ sở chế biến công nghiệp. Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nhân tài góp phần

quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội huyện. Đào tạo cán bộ lãnh đạo, công chức nhà nước, cán bộ quản lý, các đoàn thể cấp huyện, xã theo quy hoạch.

- Đa dạng hoá hình thức đào tạo: đào tạo tại chỗ; đào tạo qua làm việc; đào tạo theo trường, lớp về khoa học kỹ thuật, quản lý để tăng cung ứng lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng cho các ngành hiện còn thiếu; đào tạo thông qua xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, người lao động để đào tạo đúng đối tượng lao động mà doanh nghiệp có nhu cầu và tạo việc làm cho người lao động. Có cơ chế khuyến khích, ưu đãi đối với những doanh nghiệp tự đào tạo (hoặc chi phí cho việc đào tạo) lao động đang hoặc sẽ làm việc cho doanh nghiệp. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế tôn vinh, khen thưởng những người lao động sáng tạo, có sáng kiến cải tiến công nghệ trong sản xuất; phổ biến rộng rãi các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao.

- Nghiên cứu xây dựng các dự án và cơ chế, chính sách đặc thù kèm theo để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Lồng ghép các chương trình, dự án đào tạo trong chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo, chương trình khuyến nông-khuyến lâm... để tổ chức đào tạo kỹ năng cho đông bào các dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa.

3. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý hành chính

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết nhanh, gọn các thủ tục hành chính giữa các Phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn. Tạo điều kiện thuận lợi nhất, nhanh nhất trong giải quyết các thủ tục hành chính. Chủ động trong công tác quản lý dự án sau khi đã cấp giấy phép đầu tư.

- Đổi mới tư duy quản lý hành chính, chuyển tư duy quản lý theo hướng "Trách nhiệm phục vụ" nhân dân để hướng tới xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chuyển cơ chế hành chính sang nghĩa vụ hành chính, hỗ trợ giúp đỡ các chủ thể sản xuất kinh doanh và xác lập trách nhiệm hành chính trên cơ sở pháp luật. Hướng tới nền hành chính phát triển, hỗ trợ giúp đỡ nông dân tại nông thôn nâng cao mức sống, sản xuất và tiêu thụ hàng hoá, có chính sách trợ giá và đầu tư phát triển lâu dài tại nông thôn

4. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tăng cường sự đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, quan tâm chuyên giao khoa học kỹ thuật, có các chính sách trợ giá cho nông dân. Xây dựng cơ sở sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi các loại nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất. Xây dựng các cơ sở sơ chế, bao tiêu sản phẩm. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi. Kết hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Chú trọng việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Tổ chức các lớp học cho cán bộ, viên chức và người dân đi học tập, nghiên cứu các lớp ngắn hạn về khoa học công nghệ.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách quản lý và bảo vệ môi trường. Tăng cường các cán bộ đủ trình độ và am hiểu các vấn đề về môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề môi trường. Thực hiện tốt công tác

giám sát, kiểm tra môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng và đủ các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới, thực hiện Luật bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt các chương trình trồng rừng, bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên các vùng sông...

5. Giải pháp hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh hợp tác phối hợp với các địa phương trong tỉnh trong phát triển du lịch; đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực, quản lý tình trạng di dân; thu hút vốn đầu tư nước ngoài; phát triển các ngành mũi nhọn của huyện trong công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ đặc biệt là việc phát triển kinh tế cửa khẩu; giao lưu khoa học giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp, liên kết với các tỉnh có Khu kinh tế cửa khẩu trên biên giới với Trung Quốc để trao đổi kinh nghiệm, thông tin và trong việc phối hợp cơ chế, chính sách phát triển các hoạt động giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu với Trung Quốc. Liên kết với các tỉnh, thành phố trong cả nước để thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá qua Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô-Đông Văn. Tổ chức các tuyến du lịch qua lại Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh. Tổ chức đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu. Chủ động đàm phán với thành phố Phòng Thành, Sùng Tả thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) để tăng cường hợp tác, liên kết, từng bước mở rộng thị trường, thực hiện lộ trình hướng về xuất khẩu.

VII. Tổ chức và giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt, Huyện cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện và giám sát, kiểm tra đạt kết quả.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó, tiến hành rà soát lại quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từng thời kỳ. Các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

3. Công tác tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch cần được đổi mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực với cơ chế quản lý mạnh và độc lập để triển khai thực hiện thành công công cuộc đổi mới của huyện Bình Liêu và của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Quảng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là định hướng cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Bình Liêu căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch này, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt theo thẩm quyền và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch chung xây dựng phát triển đô thị và các quy hoạch, đề án của

huyện, quy hoạch các điểm dân cư, kế hoạch sử dụng đất, các dự án đầu tư trên các lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển toàn diện và đồng bộ.

2. Nghiên cứu xây dựng đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo luật pháp của Nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

3. Lập các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể ưu tiên để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

Điều 4. Các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Quy hoạch, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân huyện Bình Liêu triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định hiện hành. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Bình Liêu trong quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; trong việc nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã trong từng giai đoạn; hỗ trợ huyện Bình Liêu trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô và có vai trò quan trọng, động lực đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 9/2/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; quy hoạch phát triển kinh tế xã hội các xã miền núi biên giới của huyện Bình Liêu đến năm 2010.

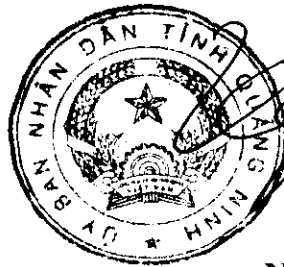
Điều 6. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Liêu; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 6 (thực hiện);
- Các đ/c lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các đ/c chuyên viên;
- Lưu: VT, QH3;

30b-QĐ06-01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đạc